

Bộ, tỉnh: Tây Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Mã đơn vị: 1023459
Loại hình đơn vị: Cơ quan hành chính nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2023

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		5	4,014,091,400	4,014,091,400	-	2,730,339,752	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô Toyota Corolla-Altis 5 chỗ BS: 70B-009.64	Cơ quan	1	822,385,700	822,385,700		767,532,574		X					
2	Ô tô Toyota Corolla-Altis 5 chỗ BS: 70B-009.65	Cơ quan	1	822,385,700	822,385,700		767,532,574		X					
3	Xe ô tô TOYOTA LAND CRUISER-GX 7 chỗ BS: 70B-0377	Cơ quan	1	315,000,000	315,000,000		251,968,500		X					
4	Xe ô tô 16 chỗ FORD TRANSIT 70A-002.32	Cơ quan	1	916,000,000	916,000,000		488,319,600		X					
5	Xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ BS: 70A-001.92	Cơ quan	1	1,138,320,000	1,138,320,000		454,986,504			X				
II	Tài sản cố định khác		178	4,999,377,631	4,988,372,631	-	1,443,785,000							
1	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nga	1	12,950,000	12,950,000		-							
2	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PCVP Thu	1	12,950,000	12,950,000		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
3	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	CV Phước	1	12,950,000	12,950,000		-								
4	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhung	1	12,950,000	12,950,000		-								
5	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Dung	1	12,950,000	12,950,000		-								
6	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhân	1	12,950,000	12,950,000		-								
7	CPU Intel Core i5-6400	Nga	1	11,700,000	11,700,000		-								
8	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Tâm	1	12,970,000	12,970,000		-								
9	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Cần	1	12,970,000	12,970,000		-								
10	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Ninh	1	12,970,000	12,970,000		-								
11	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Phuong	1	12,970,000	12,970,000		-								
12	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Thảo	1	12,970,000	12,970,000		-								
13	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Nhi	1	12,970,000	12,970,000		-								
14	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Lộc	1	12,970,000	12,970,000		-								
15	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Hường	1	12,970,000	12,970,000		-								
16	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Trung	1	12,970,000	12,970,000		-								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
17	Máy vi tính bộ ASUS	Nhà ăn	1	12,950,000	12,950,000		-								
18	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
19	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
20	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
21	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
22	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
23	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
24	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
25	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
26	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
27	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
28	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
29	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
30	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
31	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
32	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
33	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó	Nguồn NS									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
34	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
35	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
36	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
37	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
38	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
39	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
40	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
41	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
42	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
43	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
44	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
45	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
46	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
47	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
48	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
49	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								
50	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
51	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
52	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
53	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
54	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
55	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
56	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
57	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
58	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
59	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
60	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
61	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
62	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
63	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
64	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
65	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
66	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
67	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HNĐD	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
68	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
69	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
70	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
71	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17,835,000	17,835,000		10,701,000							
72	Máy tính xách tay HP Probook 440G6	CVP Khánh	1	14,500,000	14,500,000		2,900,000							
73	Máy tính xách tay HP Probook 440G7	PCT Thy	1	14,500,000	14,500,000		2,900,000							
74	Máy tính HP Probook 440G8	PB Hiếu	1	15,000,000	15,000,000		6,000,000							
75	Máy tính HP Probook 440G8	PB Cường	1	15,000,000	15,000,000		6,000,000							
76	Máy tính HP Probook 440G8	PB Chi	1	15,000,000	15,000,000		6,000,000							
77	Máy tính HP Probook 440G8	PB Khánh	1	15,000,000	15,000,000		6,000,000							
78	Máy tính HP Probook 440G8	PB Tấn	1	15,000,000	15,000,000		6,000,000							
79	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCT Thy	1	14,215,177	14,215,177		5,686,071							
80	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PD Thúy	1	14,215,177	14,215,177		5,686,071							
81	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCVP Chi	1	14,215,177	14,215,177		5,686,071							
82	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	TP Hương	1	14,215,177	14,215,177		5,686,071							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
83	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng HCTCQT (PP Duyệt)	1	13,000,000	13,000,000		-							
84	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng CTQH (PP Ngọc)	1	13,000,000	13,000,000		-							
85	Máy tính xách tay HP Core i3 - 1115G4	PB Sơn	1	13,300,000	13,300,000		10,640,000							
86	Máy scan HP 7000S3	Văn thư	1	22,000,000	22,000,000		8,800,000							
87	Máy in siêu tốc Duplo DP-T450	P.Photo	1	190,230,000	190,230,000		-							
88	Máy photo Canon IR2530	P.Photo	1	63,500,000	63,500,000		-							
89	Máy photo Canon IR2635	P.Photo	1	90,000,000	90,000,000		45,000,000							
90	Máy Photocoppy Canon IR2530	Phòng HCTCQT (Kế toán)	1	63,500,000	63,500,000		-							
91	Máy Photocoppy Canon IR2530W	Photo	1	89,850,000	89,850,000		-							
92	Máy ảnh Nikon	Phòng HCTCQT (CV Tâm)	1	31,000,000	31,000,000		-							
93	Bộ điều khiển trung tâm Bosh CCS-CUD	PHI	1	28,840,000	17,835,000		5,768,000							
94	Máy lạnh Toshiba 18WP	CVP Khánh	1	10,599,999	10,599,999		10,599,992							
95	Máy lạnh 2HP	PCT Thy	1	14,350,600	14,350,600		10,599,992							
96	Máy lạnh 2HP	PB Chi	1	14,350,600	14,350,600		10,599,992							
97	Máy lạnh 2HP	PB Khánh	1	14,350,600	14,350,600		10,599,992							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
98	Máy lạnh 2HP	PB Tấn	1	14,350,600	14,350,600		10,599,992							
99	Máy lạnh 2HP	Kho chú V.Hùng	1	14,350,600	14,350,600		10,599,992							
100	Máy lạnh Toshiba 2HP	PCT Phong	1	15,900,000	15,900,000		3,975,000							
101	Máy lạnh Toshiba	PD Thủy	1	17,560,000	17,560,000		6,585,000							
102	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (Phòng Kế toán)	1	17,560,000	17,560,000		6,585,000							
103	Máy lạnh Toshiba	PCVP Chi	1	17,560,000	17,560,000		6,585,000							
104	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (PP Nhân)	1	19,831,500	19,831,500		7,436,813							
105	Máy lạnh Toshiba	Phòng CTQH	1	19,831,500	19,831,500		7,436,813							
106	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Lễ tân	1	24,500,000	24,500,000		18,375,000							
107	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Lễ tân	1	24,500,000	24,500,000		18,375,000							
108	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Nhà ăn	1	24,500,000	24,500,000		18,375,000							
109	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Nhà ăn	1	24,500,000	24,500,000		18,375,000							
110	Bàn làm việc (Chủ tịch)	PCT Thy	1	13,860,000	13,860,000		-							
111	Bàn làm việc (PCT)	PB Chi	1	11,880,000	11,880,000		-							
112	Bàn làm việc (PCT)	PCT Phong	1	11,880,000	11,880,000		-							
113	Salon gỗ (lễ tân)	Lễ tân	1	77,000,000	77,000,000		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
114	Salon triển cột (Chủ tịch)	PCT Thy	1	33,660,000	33,660,000		-								
115	Salon mẫu đào (Phó CT)	PB Chi	1	24,750,000	24,750,000		-								
116	Salon mẫu đào (Phó CT)	PCT Phong	1	24,750,000	24,750,000		-								
117	Salon muốn gỗ cẩm thị (CVP)	PCVP Thu	1	17,820,000	17,820,000		-								
118	Salon mẫu Đài Loan	PB Cường	1	11,275,000	11,275,000		-								
119	Salon mẫu Đài Loan	PB Mai (cũ)	1	11,275,000	11,275,000		-								
120	Salon mẫu Đài Loan	PB Tấn	1	11,275,000	11,275,000		-								
121	Salon mẫu Đài Loan	PD Thúy	1	11,275,000	11,275,000		-								
122	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PCVP Chi	1	12,600,000	12,600,000		-								
123	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PB Hiếu	1	13,935,000	13,935,000		-								
124	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21,570,000	21,570,000		16,177,500								
125	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21,570,000	21,570,000		16,177,500								
126	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21,570,000	21,570,000		18,873,750								
127	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21,570,000	21,570,000		18,873,750								
128	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16,500,000	16,500,000		-								
129	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16,500,000	16,500,000		-								
130	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16,500,000	16,500,000		-								
131	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16,500,000	16,500,000		-								

[illegible]

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
148	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
149	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
150	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21,000,000	21,000,000									
151	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14,000,000	14,000,000									
152	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14,000,000	14,000,000									
153	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18,000,000	18,000,000									
154	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18,000,000	18,000,000									
155	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22,000,000	22,000,000									
156	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22,000,000	22,000,000									
157	Phòng hội trường + lễ tân	Lễ tân	1	14,392,224	14,392,224									
158	Thảm lót sàn 128m2	PH1	1	89,600,000	89,600,000		53,760,000							
159	Màn cửa vải gấm 81,76m2	PH1	1	32,704,000	32,704,000		19,622,400							
160	Thảm lót sàn 23,6m2	PH2	1	16,520,000	16,520,000		9,912,000							
161	Thảm lót sàn 45,82m2	Lễ tân	1	32,074,000	32,074,000		19,244,400							

[illegible]

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác		
				Tổng cộng	Trong đó											
					Nguồn NS	Nguồn khác										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
175	Phần mềm Microsoft MS		1	25,804,000	25,804,000											
176	Phần mềm Kế toán Misa 2017		1	13,500,000	13,500,000											
177	Phần mềm phục vụ trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH-HĐND		1	442,990,000	442,990,000											
178	Phần mềm Kế toán Misa		1	9,850,000	9,850,000		-									
Tổng cộng			183	9,013,469,031	9,002,464,031	-	4,174,124,752									

Ngày 05 tháng 02 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tuyết Thu

Người lập biểu

Lê Thị Anh Thu